

Số: 2225 /BC-STNMT

Tiền Giang, ngày 16 tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO

Công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải năm 2016

Qua thống kê và tổng hợp, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo công tác thu phí bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải năm 2016 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI CÁC QUY ĐỊNH VÀ KẾT QUẢ THU PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI NĂM 2016

1. Công tác triển khai

Trong năm 2016 Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các cơ quan liên quan và Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện tổ chức triển khai và thu phí BVMT Nghị định số 25/2013/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/ 2013 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP về phí BVMT đối với nước thải.

Hiện nay công tác thu phí thu phí BVMT đối với nước thải được thực hiện theo Nghị định 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ.

2. Kết quả thu phí

Nhìn chung, công tác thu phí được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật. Tổng số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải thu được trong năm 2016 là: **6.048.569.750 đồng** (Sáu tỷ không trăm bốn mươi tám triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm năm mươi đồng), cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

Phí BVMT đối với nước thải	Tổng phí thu được	Tổng phí nộp NSNN
Sinh hoạt	4.288.109.110	3.859.298.199
Công nghiệp	1.760.460.640	1.408.368.512
Tổng cộng	6.048.569.750	5.267.666.711

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Ngày 16/11/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 154/2016/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và thay thế Nghị định số 25/2013/NĐ-CP. Tuy nhiên, quá trình triển khai bước đầu theo Nghị định số 154/2016/NĐ-CP (NĐ154) có nhiều khó khăn và vướng mắc, cụ thể như sau:

1. Về đối tượng chịu phí

a. Đối với cơ sở sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, cơ sở sản xuất thủ công nghiệp trong các làng nghề (Theo quy định tại điểm a, đ khoản 2 Điều 5 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP)

Trong thực tế hiện nay đối tượng này trên địa bàn tỉnh là tương đối nhiều, trong đó có các loại hình sản xuất như: xay xát lúa, lau bóng gạo, làng nghề bó chổi, làng nghề chạm khắc gỗ, làng nghề dệt chiếu, làng nghề đan lát, làng nghề tú thờ... các cơ sở hoạt động thủ công nghiệp trong các làng nghề này cũng như các cơ sở xay xát lúa không sử dụng nước trong quá trình sản xuất và không có nước thải trong hoạt động sản xuất; trong trường hợp có phát sinh nước thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt trong hộ gia đình (phần nước thải này các cơ sở đã nộp phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt) nên không phát sinh nước thải công nghiệp. Do đó, thời gian qua đối với các cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất như các trường hợp nêu trên cũng không thể thu phí.

b. Đối tượng quy định điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP “cơ sở chế biến thực phẩm”.

Các loại hình chế biến thực phẩm: sản xuất đậu hũ, bánh mì, bún... có quy mô khác nhau chủ yếu quy mô hộ gia đình phát sinh nước thải ít khoảng vài trăm lít/ngày, một số hoạt động hầu như không phát sinh nước thải mà chỉ phát sinh trong công đoạn vệ sinh thiết bị. Việc tổ chức thu phí đối với các đối tượng này cũng rất khó khăn, có rất nhiều trường hợp không chấp nhận thông báo thu phí.

c. Đối với đối tượng quy định tại điểm 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP “cơ sở cơ khí, luyện kim, gia công kim loại”.

Hiện nay đối tượng này trên địa bàn tỉnh là tương đối nhiều, tuy nhiên chủ yếu là các cơ sở gia công kim loại, hàn tiện các hoạt động này hầu như không phát sinh nước thải sản xuất, chỉ có nước thải sinh hoạt hộ gia đình nên trong thực tế không thể thu phí BVMT đối nước thải công nghiệp của cơ sở, tương tự là loại hình gia công may mặc.

d. Đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP “cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung”

Theo quy định tại NĐ154 thì chỉ thu phí đối với các cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, tuy nhiên trong quy định thì chưa nêu thế nào là quy mô tập trung (chưa quy định cụ thể: số lượng đầu gia súc, gia cầm thể hiện quy mô tập trung). Khó khăn này đã được Tổng cục Môi trường hướng dẫn tại Công văn số 598/TCMT-KSON ngày 07/4/2014, theo đó cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung được xác định theo khoản 13 Điều 2 Nghị định số 33/2005/NĐ-CP của Chính Phủ “Cơ sở chăn nuôi động vật tập trung là cơ sở chăn nuôi của các doanh nghiệp hoặc cơ sở chăn nuôi từ quy mô trang trại trở lên” (nay là Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016) và theo Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 14/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND).

Hiện nay, NĐ154 đã thay thế NĐ25, vậy thì việc tiếp tục áp dụng các văn bản vừa nêu để xác định cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung có còn phù hợp không?. Ngoài ra, trong hoạt động chăn nuôi hiện nay: chăn nuôi heo, bò, gà quy mô tập trung theo Nghị định số 154/2016/NĐ-CP. Tuy nhiên, việc chăn nuôi được thực hiện trên đệm lót sinh học (không phát sinh nước thải). Vậy đối với trường hợp này có tổ chức thu phí không?

e. Đối tượng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP “cơ sở nuôi trồng thủy sản”

Theo quy định tại NĐ154 thì cơ sở nuôi trồng thủy sản là đối tượng phải chịu phí BVMT đối với nước thải. Tuy nhiên, không có quy định mức giới hạn quy mô cơ sở nuôi trồng để tiến hành thu phí như là: trang trại, hộ gia đình, diện tích mặt nước nuôi trồng, hình thức nuôi trồng,... và cũng không có sự miễn trừ cho các đối tượng là “Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp theo quy định tại khoản 2 điều 49 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp”. Như vậy được hiểu cơ sở nuôi trồng thủy sản theo NĐ154 bao gồm tất cả doanh nghiệp, hộ gia đình nuôi trồng thủy sản dù với quy mô và hình thức sản xuất nào đều thuộc đối tượng phải chịu phí.

Trong thực tế quy mô nuôi trồng thủy sản có rất nhiều mức độ khác nhau, có những hộ gia đình tận dụng diện tích mặt nước sẵn có để nuôi trồng từ vài trăm mét vuông, có những hộ nuôi trồng vài ngàn m², cũng có doanh nghiệp với quy mô nuôi trồng lớn hơn v.v... Hình thức nuôi trồng thủy sản cũng rất phong phú: nuôi trồng thủy sản ven biển (nuôi tôm tự nhiên, nghêu, sò...), nuôi trồng thủy sản trong các lồng bè trên sông, nuôi theo thời vụ, nuôi quảng canh, nuôi bán thâm canh, nuôi thâm canh, v.v... Tóm lại, hoạt động nuôi trồng thủy sản vùng Đồng bằng sông Cửu Long rất đa dạng, đa phần các hoạt động này là tự phát và thường không đăng ký, mức độ ô nhiễm từ các loại hình nuôi này cũng rất khác nhau.

Theo rà soát và theo báo cáo từ các huyện, thị, thành trên địa bàn tỉnh, hiện tại trên địa bàn tỉnh có khoảng 4.068 cơ sở nuôi trồng thủy sản (bao gồm tất cả doanh nghiệp, hộ gia đình nhưng đa phần là hộ gia đình) quy mô từ vài trăm m² đến vài hecta. Các cơ sở nuôi trồng thủy sản thực hiện hoạt động nuôi trồng nhưng chưa nhận thức được nước thải từ nuôi trồng thủy sản là nước thải công nghiệp, chưa thấy rõ các vấn đề ô nhiễm môi trường phát sinh từ nước thải nên chưa có sự đồng thuận với quy định nộp phí BVMT theo NĐ25 (hiện nay là NĐ154). Mặc dù Sở Tài nguyên và Môi trường cũng như phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện đã tích cực triển khai; đặc biệt qua các đợt tập huấn và tuyên truyền về phí BVMT đối với nước thải công nghiệp cho các cơ sở nuôi trồng thủy sản thì đối tượng này phản ứng rất gay gắt, mạnh mẽ với việc thu phí BVMT trong hoạt động nuôi trồng thủy sản, mặc dù các cơ quan liên quan đã giải thích và truyền đạt các chủ trương và chính sách về phí BVMT của chính phủ. Do đó, thời gian qua thì hầu như không thu được phí BVMT đối với loại hình nuôi trồng thủy sản. Tham khảo các địa phương khác (Đồng Tháp, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng) cũng không tổ chức thu phí được đối với loại hình này.

Mặt khác, cũng có nhiều kiến nghị nên xem xét thu phí BVMT nước thải công nghiệp đối với các cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc gia cầm không tập trung (quy mô vừa, nhỏ) do đây là hoạt động gây ô nhiễm môi trường tương đối cao, chỉ nên giữ lại việc miễn trừ đối với “Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp theo quy định tại khoản 2 điều 49 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp”. Nếu so sánh giữa 02 loại hình sản xuất nông nghiệp: loại hình chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; trong khi chỉ những cơ sở chăn nuôi tập trung mới phải đóng phí BVMT còn tất cả cơ sở nuôi trồng thủy sản quy mô lớn, vừa, nhỏ, hộ gia đình đều phải đóng phí BVMT, điều này là chưa hợp lý.

Ngoài ra, cũng có những cơ sở sản xuất theo mùa vụ (các cơ sở sản xuất bánh mùa tết trung thu và tết âm lịch.. khoảng 2 đến 3 tháng trong năm), trong Nghị định 154/2016/NĐ-CP chưa quy định nội dung này.

Việc không xác định được rõ ràng về đối tượng thu phí sẽ rất khó khăn cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện, vấn đề này có khả năng dẫn đến việc thu phí không đầy đủ, thất thoát nguồn và đối tượng thu phí...

2. Về mức phí

Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP thì các thông số ô nhiễm để tính phí bao gồm: COD, TSS, Hg, Pb, As, Cd. Theo quy định thì các cơ sở sản xuất có lượng nước thải trên 20m³/ngày đêm phải nộp phí biến đổi và cơ sở để tính phí là 6 thông số (COD, TSS, Hg, Pb, As, Cd). Liên quan đến nội dung này có nhiều cơ sở phản ánh loại hình sản xuất của cơ sở không phát sinh kim loại nặng (Hg, Pb, As, Cd) trong nước thải sản xuất. Nhưng nếu căn cứ quy định trên thì hàng quý (3 tháng) ngoài việc giám sát nước thải với các thông số theo quy định cơ sở phải thu mẫu và phân tích thêm các thông số về kim loại nặng để làm cơ sở tính phí, trong khi chi phí cho việc phân tích đối với các thông số này là rất cao.

Trước đây về công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở có chứa kim loại nặng được Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành danh mục lĩnh vực, ngành sản xuất, chế biến có nước thải chứa kim loại nặng phục vụ tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải tại Thông tư 06/2103/TT-BTNMT ngày 07/5/2013. Do vậy đối với các lĩnh vực, ngành sản xuất, chế biến không thuộc danh mục quy định tại Thông tư 06/2103/TT-BTNMT, hiện nay theo Nghị định số 154/2016/NĐ-CP có cần phải phân tích các thông số về kim loại nặng (Hg, Pb, As, Cd) để tiến hành thu phí hay chỉ có những lĩnh vực, ngành sản xuất, chế biến theo quy định tại Thông tư 06/2103/TT-BTNMT mới tiến hành thu mẫu, phân tích các thông số về kim loại nặng để tiến hành thu phí.

Tại điểm b khoản 1 Điều 12 NĐ154 có quy định “...*Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Quy định chi tiết về nước tuần hoàn và nước mưa tự nhiên chảy tràn quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 5 Nghị định này; quy định việc đánh giá, lấy mẫu phân tích nước thải công nghiệp để xác định số phí phải nộp theo quy định tại Nghị định này ...*” nhưng hiện tại địa phương cũng chưa nhận được văn bản quy định về việc này.

III. KIẾN NGHỊ

Từ các khó khăn và vướng mắc trên, Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính một số vấn đề sau:

- Đối với những loại hình sản xuất chưa quy định cụ thể ngành nghề như: chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, cơ sở sản xuất thủ công nghiệp trong các làng nghề; cơ sở chế biến thực phẩm; cơ sở cơ khí, luyện kim, gia công kim loại. Đề nghị có nghiên cứu hướng dẫn rõ ngành nghề để tổ chức thu phí, đặc biệt xem xét mức độ đề không thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp với quy mô nhỏ hộ gia đình mà chỉ quy định các đối tượng này nộp phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt.

- Những hoạt động sản xuất không phát sinh nước thải sản xuất, chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải không tham gia vào quá trình sản xuất mà chỉ phát sinh trong việc vệ sinh thiết bị, dụng cụ... đề nghị đưa nội dung này vào quy định về đối tượng không chịu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp và quy định các đối tượng này đối tượng chịu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt.

- Trong Nghị định cần quy định cụ thể hơn về giải thích thuật ngữ “Nước thải công nghiệp” để các địa phương có thể nghiên cứu thực hiện.

- Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản: Đề nghị có quy định quy mô và mức độ, hình thức (*thâm canh, quảng canh, nuôi bãi bồi ven biển, nuôi cá lồng bè*) cơ sở nuôi trồng để tiến hành thu phí, đặc biệt theo quy định tại Nghị định 18/2015/NĐ-CP có quy định cơ sở nuôi trồng thủy sản quy mô dưới 5.000m² mặt nước thì thuộc đối tượng không phải lập Kế hoạch bảo vệ môi trường. Do đó, đề nghị có xem xét đưa đối tượng này vào trường hợp miễn phí theo quy định tại Điều 5 của Nghị định 154/2016/NĐ-CP. Ngoài ra, việc thu phí đối với loại hình nuôi trồng thủy sản dựa vào lưu lượng xả thải và nồng độ các thông số ô nhiễm là không khả thi và không chính xác. Do đó, đề nghị có xem xét quy định thu phí với đối tượng này dựa trên diện tích mặt nước nuôi trồng; Ngoài ra, đề nghị Bộ có nghiên cứu quy định việc nuôi trồng thủy sản theo thời vụ, nuôi thâm canh, quảng canh, việc nuôi trồng trên các bãi bồi ven biển (nghêu, sò...), nuôi cá trên các lồng bè vì trong thực tế các hoạt động này diễn ra tương đối nhiều, đối với các trường hợp này Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất nên có quy định về mức phí cố định.

- Bổ sung quy định thu phí đối với cơ sở sản xuất theo mùa vụ; ban hành Danh mục lĩnh vực, ngành sản xuất, chế biến có nước thải chứa kim loại nặng phục vụ tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; ban hành Quy định việc đánh giá, lấy mẫu phân tích nước thải công nghiệp để xác định số phí phải nộp theo quy định tại Nghị định 154/2016/NĐ-CP

- Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính nghiên cứu có tham mưu Chính phủ điều chỉnh một số nội dung Nghị định số 154/2016/NĐ-CP cho phù hợp với thực tế để tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương tổ chức thực hiện. Trong thời gian xem xét điều chỉnh Nghị định 154/2016/NĐ-CP, Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang kiến nghị Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn tạm thời

các khó khăn của các địa phương trong công tác thu phí để các địa phương có cơ sở thực hiện trong thời gian hiện nay.

Trên đây là nội dung báo cáo công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải năm 2016 và các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 154/2016/ND-CP, Sở Tài nguyên và Môi trường Tiền Giang báo cáo đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính để có hướng dẫn. / *Tân*

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- Bộ TC;
- UBND tỉnh (b/c);
- GD Sở (b/c);
- Lưu: VT, CCBVMT (Uyên)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Châu